

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HN-ST

Ngày: 21/8/2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Bùi Thanh Trí.**

- Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí –**

Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:*

Ông **Trần Bảo Quốc –** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 69/2020/QĐST-HN ngày 01 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST – HN ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phụng T**, sinh năm 1991

HKTT: Khu vực A, Phường T, Quận M, Tp. Cần Thơ.

** Bị đơn:* Ông **Phạm Quang Phương Đ**, sinh năm 1988

HKTT: Khu vực P, Phường P, Quận C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng T trình bày:* Bà và ông Đ cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 05/11/2013 tại UBND phường T, quận M. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Đến năm 2016 thì ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân do ông Đ sinh tật ăn nhậu về kiếm chuyện vợ con. Từ khi ly thân đến nay cả 02 đều không có thiện chí hàn gắn. Hiện bà không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu được ly

hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Tuấn K (nam), sinh 21/5/2009 và Phạm Nguyễn Tuấn T (nam), sinh 09/5/2014. Từ khi ly thân đến nay 02 con đều do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đồng/ 01 cháu/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Đối với bị đơn ông Phạm Quang Phương Đ:** Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông Đ, tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông Đ vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà T và ông Đ có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn. Ông Đ mặc dù được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông luôn vắng mặt cho thấy ông không tha thiết hàn gắn tình cảm. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu cho bà T được ly hôn.

Về con chung: cả 02 con đều hiện do bà T nuôi dưỡng. cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Nên giao 02 cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng yêu cầu giải quyết theo quy định.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Do ông Đ vắng mặt nên cần tách ra nêu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông Đ, tuy nhiên ông vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông, bà đã ly thân nhau hơn 03 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm

nhưng ông Đ luôn vắng mặt. Cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà T là cho bà được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Tuấn K (nam), sinh 21/5/2009 và Phạm Nguyễn Tuấn T (nam), sinh 09/5/2014. Bà T có yêu cầu nuôi cả 02 con, ông Đ thì vắng mặt nên cũng không thể xem xét được nguyện vọng của ông. Bản thân cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu bà T không nuôi dưỡng tốt 02 con thì ông Đ có quyền khởi kiện để xin thay đổi người nuôi con.

Về cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mà bà T yêu cầu 1.000.000đồng/01cháu/01 tháng là phù hợp với mặt bằng sống hiện nay nên có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho bà T mức 1.000.000đồng/01 cháu/01 tháng (02 cháu là 2.000.000đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T cho rằng không có nhưng do ông Đ vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật. Ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phượng T được ly hôn với ông Phạm Quang Phương Đ.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Nguyễn Tuấn K (nam), sinh 21/5/2009 và Phạm Nguyễn Tuấn T (nam), sinh 09/5/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đồng/01 cháu/01 tháng (02 cháu là 2.000.000đồng/tháng). Thời gian

cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Đ theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005912 ngày 20/02/2020. Bà T không phải nộp thêm. Ông Đ phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đ thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- UBND Phường T
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc

Các hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Trí Nguyễn Thanh Tùng

Cao Thị Thanh Trúc

